

Bản số: 44/2022/HNGS-ST

Ngày 08-7-2022

V/v "Tranh chấp

Hôn nhân và gia đình"

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**\*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Vân

**\*Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Bà Dương Thị Hoa

2. Ông Nguyễn Đức Hiền

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Duy Tuyên- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Việt Yên.

**- Đại diện VKSND huyện Việt Yên tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thùy Trang- Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 85/2022/TLST-HNGĐ ngày 31/3/2022 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2022/QĐST-HNGĐ ngày 16/6/2022 giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** Anh Đỗ Văn T, sinh năm 1994 (có đơn xin xét xử vắng mặt)  
Nơi cư trú: Thôn Khả Lý Thượng, xã Quảng Minh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

**\* Bị đơn:** Chị Dương Thị T, sinh năm 1993 (vắng mặt)  
Nơi cư trú: Thôn Khả Lý Thượng, xã Quảng Minh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

\* Tại đơn xin ly hôn ngày 18/3/2022, bản tự khai và biên bản lấy lời khai nguyên đơn anh Đỗ Văn T trình bày:

Anh và chị Dương Thị T kết hôn ngày 10/9/2015, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Quảng Minh, huyện Việt Yên. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau ở thôn Khả Lý Thượng, xã Quảng Minh. Ban đầu vợ chồng chung sống bình thường. Đến đầu năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, gia đình hai bên đều biết và can thiệp hòa giải nhưng vợ chồng vẫn không cải thiện được. Hai vợ chồng anh vẫn sống cùng nhà

nhưng sinh hoạt riêng không ai quan tâm chăm sóc gì đến ai. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh xin ly hôn chị T.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là Đỗ Trà My, sinh ngày 14/02/2017 và Đỗ Thanh Duy, sinh ngày 05/02/2019. Hiện con chung đang ở với anh, do anh nuôi dưỡng các cháu phát triển bình thường, chị T cũng vẫn chăm nom các con cùng anh. Ly hôn anh nhận nuôi dưỡng con chung là cháu Duy để chị T nuôi dưỡng cháu My, anh và chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Hiện anh đang làm công nhân Công ty VietNam Sunergy ở khu công nghiệp Đồng Vàng, Đình Trám thu nhập trung bình một tháng khoảng 15-17.000.000 đồng/tháng. Thời gian làm việc giờ 12 tiếng/ngày, một tháng làm ngày một tháng làm đêm. Anh ở với bố mẹ để có nhà đất, khi anh đi làm thì bố mẹ anh sẽ giúp tôi đưa đón, chăm sóc các cháu. Anh có đủ điều kiện và thời gian chăm sóc 01 con chung. Hiện chị T đang làm ở Công ty cổ phần may xuất khẩu Hà Bắc, thu nhập trung bình khoảng 7-8.000.000 đồng/tháng, thời gian làm việc khoảng 12 tiếng/ngày, có đủ thời gian chăm sóc con, chị T đảm bảo việc nuôi dưỡng 01 con chung.

Tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Vợ chồng anh không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh Đỗ Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt.

\* Đối với chị Dương Thị T là bị đơn trong vụ án mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các giấy tờ nhưng tại các buổi hòa giải, làm việc, xét xử của Tòa án chị T đều vắng mặt không có lý do và Tòa án đã thông báo cho chị T về việc các chứng cứ Tòa án đã thu thập có trong vụ án, quyết định yêu cầu cung cấp bản tự khai và những tài liệu chứng cứ liên quan đến vụ án nếu có yêu cầu nhưng chị T không có ý kiến gì và không cung cấp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ để chứng minh cho quyền lợi của mình.

Tại phiên tòa hôm nay chị Dương Thị T vắng mặt.

\* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử là đảm bảo theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa nguyên đơn anh T có đơn xin xét xử vắng mặt chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn chị T vắng mặt chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về nội dung vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình. Điều 28; Điều 35; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị HĐXX, xử:

Về quan hệ vợ chồng: Cho anh Đỗ Văn T được ly hôn với chị Dương Thị T.

Về con chung: Giao cho anh Đỗ Văn T nuôi dưỡng con chung là Đỗ Thanh Duy, sinh ngày 05/02/2019. Giao cho chị Dương Thị T tiếp tục nuôi dưỡng con

chung là Đỗ Trà My, sinh ngày 14/02/2017. Anh T và chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Đỗ Văn T phải chịu 300.000 đồng và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thẩm quyền: Vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình giữa anh Đỗ Văn T và chị Dương Thị T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chị T có nơi cư trú: Thôn Khả Lý Thượng, xã Quảng Minh, huyện Việt Yên nên Tòa án nhân dân huyện Việt Yên thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn anh T vắng mặt đã có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn chị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T, chị T.

[3] Đối với yêu cầu xin ly hôn và giải quyết con chung của nguyên đơn anh Đỗ Văn T. Hội đồng xét xử thấy:

\* Về quan hệ hôn nhân: Giữa anh T và chị T xác lập quan hệ hôn nhân là tự nguyện, hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Quảng Minh, huyện Việt Yên làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy, anh T và chị T có một thời gian chung sống hạnh phúc thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, không hợp nhau gia đình hai bên đều biết và can thiệp hòa giải nhưng vợ chồng vẫn không cải thiện được. Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai anh T xác định hai vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc gì cho nhau, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn. Tòa án tiến hành hòa giải thông báo cho chị T biết nhưng chị T cũng không lên để Tòa án hòa giải về quan hệ vợ chồng.

Mặt khác, tại biên bản làm việc với chính quyền địa phương cũng xác định vợ chồng anh T, chị T có mâu thuẫn trong cuộc sống hàng ngày, mâu thuẫn của anh T, chị T đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không có kết quả. Do vậy, xét mâu thuẫn của anh T và chị T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

\* Về con chung: Anh T xác định vợ chồng có 02 con chung là Đỗ Trà My, sinh ngày 14/02/2017 và Đỗ Thanh Duy, sinh ngày 05/02/2019. Ly hôn anh nhận nuôi con chung là cháu Duy, để chị T nuôi dưỡng con chung là cháu My, anh và chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Hội đồng xét xử xét thấy, anh T trình bày anh và chị T đều có chỗ ăn ở, có thu nhập, có đủ thời gian và điều kiện để nuôi dưỡng 01 con chung. Theo xác minh tại địa phương thì hiện 02 con chung đang ở với anh T, chị T, sức khỏe phát triển tốt. Anh T, chị T đều làm công ty có thu nhập, đủ điều kiện chăm sóc và nuôi dưỡng các con tốt.

Như vậy, Hội đồng xét xử thấy cần giao cho anh T, chị T mỗi người nuôi dưỡng một con chung và chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của anh T, giao anh T nuôi con chung là cháu Duy, giao chị T nuôi dưỡng con chung là cháu My là phù hợp với Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình và đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của cháu Duy, cháu My. Sau khi ly hôn, anh Đỗ Văn T và chị Dương Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

\* Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

\* Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Anh T xác định không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Anh T phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Điều 28; Điều 35; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Đỗ Văn T được ly hôn chị Dương Thị T.
2. Về con chung: Giao cho anh Đỗ Văn T nuôi dưỡng con chung là Đỗ Thanh Duy, sinh ngày 05/02/2019. Giao cho chị Dương Thị T tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Đỗ Trà My, sinh ngày 14/02/2017. Anh T và chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Sau khi ly hôn, anh Đỗ Văn T và chị Dương Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Án phí: Anh Đỗ Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số 0006295 ngày 31/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Việt Yên. Xác nhận anh Đỗ Văn T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn; Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Việt Yên;
- Chi cục THADS Việt Yên;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- UBND xã Quảng Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

**Nguyễn Thị Vân**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ      THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Vân**

